BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
1	440126	Phạm Thị Linh	Dung	4401	23	TCXH1	3.41		83.00		840 000	840 000	
2	440206	Nguyễn Huy	Hoàng	4402	25		3.72		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
3	440214	Phạm Thị Hương	Ly	4402	31		3.68		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
4	440223	Hoàng Thị Vinh	Anh	4402	30	TCXH1	3.48		87.00		840 000	840 000	
5	440229	Hà Thị	Thái	4402	27	TCXH1	3.57		84.00		840 000	840 000	
6	440251	Lương Thị Kiều	Ly	4402	30	TCXH1	3.56		89.00		840 000	840 000	
7	440257	Nguyễn Tiến	Đạt	4402	22		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
8	440311	Nguyễn Thị Mai	Chi	4403	29		3.87		92.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
9	440315	Khúc Ngọc	Anh	4403	29		3.67		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
10	440318	Nguyễn Thị Hà	An	4403	22		3.74		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
11	440335	Chu Thị Hải	Anh	4403	29		3.69		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
12	440343	Phạm Thị Thúy	An	4403	26		3.75		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
13	440355	Đặng Vân	Anh	4403	28	TCXH1	3.41		81.50		840 000	840 000	
14	440361	Vy Thúy	Hòa	4403	20	TCXH1	3.31		78.50		840 000	840 000	
15	440362	Nguyễn Xuân	Sơn	4403	31		3.70		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
16	440366	Lâm Thị	Ngân	4403	17	TCXH1	3.59		81.00		840 000	840 000	
17	440405	Vũ Thị Hồng	Vi	4404	25		3.67		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
18	440425	Huỳnh Thị	Lắm	4404	26		3.73		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
19	440427	Hảng A	Vư	4404	25	TCXH1	3.59		81.50		840 000	840 000	
20	440430	Nguyễn Thị	Huệ	4404	24		3.84		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
21	440527	Chu Kính	Huy	4405	29		3.72		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
22	440528	Đỗ Thị Ngọc	Xuyến	4405	26		3.74		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
23	440532	Sồng A	Coóc	4405	31	TCXH1	3.50		84.00		840 000	840 000	
24	440563	Hoàng Thị Bích	Nga	4405	20	TCXH1	3.13		76.50		840 000	840 000	
25	440564	Vì Thu	Quỳnh	4405	31	TCXH1	3.31		77.50		840 000	840 000	
26	440623	Lường Thị	Vui	4406	28	TCXH1	3.63		87.50		840 000	840 000	
27	440626	Trần Long	Hải	4406	24		3.88		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
28	440628	Lưu Thị	Thu	4406	29		3.68		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
29	440652	Lại Thiên	Nga	4406	27		3.72		96.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
30	440653	Phan Diệu	Linh	4406	28	TCXH1	3.58		84.50		840 000	840 000	
31	440659	Phùng Thị Mỹ	Hạnh	4406	28		3.73		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
32	440707	Lộc Thị Bích	Huệ	4407	14	TCXH1	3.07		85.50		840 000	840 000	
33	440763	La Tài	Truyền	4407	20	TCXH1	3.30		87.00		840 000	840 000	
34	440801	Dương Thị	Ngân	4408	25		3.71		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
35	440820	Triệu Thị	Cành	4408	28	TCXH1	3.54		86.00		840 000	840 000	
36	440821	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	4408	27	TCXH1	3.66		90.00		840 000	840 000	
37	440828	Bùi Hà Hải	Yến	4408	27	TCXH1	3.76		96.50	5 040 000	840 000	5 880 000	Xuất sắc
38	440835	Trần Khánh	Linh	4408	27		3.67		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
39	440845	Lường Đức	Thắng	4408	22	TCXH1	3.32		81.50		840 000	840 000	
40	440857	Hà Thị	Thưởng	4408	25	TCXH1	2.92		83.50		840 000	840 000	

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
41	440859	La Thanh	Minh	4408	20	TCXH1	3.23		87.50		840 000	840 000	
42	440901	Nguyễn Thị Hoài	Anh	4409	27		3.76		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
43	440915	Tao Thị Thu	Hà	4409	29	TCXH1	3.39		81.00		840 000	840 000	
44	440918	Hoàng Thị	Toan	4409	32	TCXH1	3.53		83.00		840 000	840 000	
45	440939	Vũ Quỳnh	Giang	4409	28		3.71		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
46	440948	Chu Phương	Thủy	4409	30		3.70		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
47	440959	Trương Lan	Phương	4409	29		3.81		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
48	441004	Cao Hải	Ngân	4410	32		3.75		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
49	441027	Lường Thị	Tím	4410	30	TCXH1	3.67		88.50	4 620 000	840 000	5 460 000	Giỏi
50	441056	Nguyễn Huyền	Mai	4410	14		3.72		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
51	441057	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4410	22		3.78		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
52	441118	Nông Thị Ngọc	Huế	4411	19	TCXH1	3.46		88.00		840 000	840 000	
53	441121	Lã Ngọc	Anh	4411	27		3.76		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
54	441122	Hà Kiều	Anh	4411	29		3.80		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
55	441125	Trần Thị Tuyết	Anh	4411	23		3.77		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
56	441134	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	4411	22		3.69		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
57	441141	Nguyễn Hoa Hiếu	Ngân	4411	26		3.82		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
58	441142	Bùi Thảo	Hương	4411	22		3.74		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
59	441147	Tô Khánh	Linh	4411	18		3.72		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
60	441148	Đậu Phương	Linh	4411	26		3.68		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
61	441155	Nguyễn Chí	Nguyên	4411	26		3.70		77.50	4 200 000		4 200 000	Khá
62	441156	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	4411	15		3.69		85.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
63	441162	Trương Minh	Hiếu	4411	27	TCXH1	3.12		80.50		840 000	840 000	
64	441163	Bùi Phan Thu	Ngân	4411	22		3.70		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
65	441201	Phạm Kiều	My	4412	29		3.69		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
66	441202	Ngô Thị	Diệm	4412	29		3.84		84.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
67	441204	Đoàn Thị Hồng	Nhung	4412	27		3.70		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
68	441207	Nguyễn Thị	Hệ	4412	30		3.68		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
69	441220	Bùi Thị Thu	Hà	4412	30	TCXH1	3.23		71.50		840 000	840 000	
70	441221	Tăng Tiến	Thông	4412	30		3.75		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
71	441224	Hà Diệu	Linh	4412	18	TCXH1	3.14		70.50		840 000	840 000	
72	441229	Nguyễn Thị Hồng	Liên	4412	30		3.85		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
73	441234	Nguyễn Thị Minh	Hằng	4412	27		3.74		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
74	441241	Phạm Minh	Trang	4412	24		3.69		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
75	441247	Trần Thị	Thủy	4412	26		3.70		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
76	441255	Nguyễn Thị Thảo	Duyên	4412	30		3.78		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
77	441258	Lê Hồng	Hạnh	4412	23		3.72		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
78	441260	Lê Mai	Hương	4412	20		3.68		83.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
79	441261	Phùng Phương	An	4412	28		3.90		96.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
80	441262	Nguyễn Thị Thanh	Nhi	4412	26		3.89		95.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
81	441301	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	4413	26		3.67		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
82	441324	Hà Thị	Phượng	4413	23		3.72		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
83	441329	Đào Bảo	Ngọc	4413	30		3.78		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
84	441334	Hoàng La Hạnh	Trang	4413	28	TCXH1	3.46		85.00		840 000	840 000	
85	441335	Bùi Ngọc	ánh	4413	31		3.75		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
86	441352	Trương Thị	Phương	4413	28		3.74		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
87	441409	Nguyễn Tống Trường	Giang	4414	28		3.68		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
88	441410	Hoàng Thị Vân	Anh	4414	25	TCXH1	3.57		81.50		840 000	840 000	
89	441419	Lương Thanh	Sơn	4414	26		3.83		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
90	441420	Vũ Thị Hồng	Hạnh	4414	35		3.75		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
91	441421	Điêu Hoàng Khánh	Như	4414	28		3.74		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
92	441425	Nguyễn Thị Diệp	Anh	4414	31	TCXH1	3.66		85.50		840 000	840 000	
93	441426	Bàn Anh	Thư	4414	30	TCXH1	3.69		90.50	5 040 000	840 000	5 880 000	Xuất sắc
94	441430	Hà Phương	Lan	4414	28	TCXH1	3.50		81.00		840 000	840 000	
95	441433	Quách Thùy	Trang	4414	30		3.68		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
96	441435	Nguyễn Thị Thùy	Trang	4414	26		3.77		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
97	441436	Hoàng Trung	Anh	4414	26		3.70		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
98	441439	Nguyễn Thu	Trang	4414	31		3.81		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
99	441441	Nguyễn Thúy	Quỳnh	4414	29		3.93		87.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
100	441442	Lê Thùy	Dương	4414	26		3.67		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
101	441444	Nguyễn Thị Thu	Hương	4414	29		3.77		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
102	441446	Trần Thị Phương	Anh	4414	28		3.71		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
103	441449	Nguyễn Vi	Ngân	4414	28		3.74		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
104	441451	Trần Phạm Thùy	Linh	4414	23		3.79		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
105	441452	Nguyễn Thùy	Linh	4414	19		3.72		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
106	441454	Lý Duy	Khôi	4414	22	TCXH1	3.26		83.50		840 000	840 000	
107	441457	Nguyễn Thị	Uyên	4414	29		3.81		93.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
108	441461	Nguyễn Lệ	Quyên	4414	19	TCXH1	3.32		81.00		840 000	840 000	
109	441463	Lưu Thị Minh	Hằng	4414	28		3.69		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
110	441465	Triệu Quang	Hà	4414	23	TCXH1	3.26		72.50		840 000	840 000	
111	441505	Chu Thị Hải	Yến	4415	24		3.71		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
112	441508	Chu Khánh	Huyền	4415	30		3.67		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
113	441513	Lý Thị	Hoa	4415	21	TCXH1	3.28		72.50		840 000	840 000	
114	441518	Nguyễn Duy	Vũ	4415	28		3.70		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
115	441520	Bùi Thị	Thu	4415	23	TCXH1	3.76		97.50	5 040 000	840 000	5 880 000	Xuất sắc
116	441521	Cà Thị	Kiên	4415	28	TCXH1	3.31		77.00		840 000	840 000	
117	441529	Lý Thị Kiều	Anh	4415	26		3.67		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
118	441531	Đinh Hương	Trang	4415	25		3.68		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
119	441534	Phạm Thị Thùy	Dung	4415	20		3.68		84.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
120	441537	Bùi Duy	Khánh	4415	23		3.70		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
121	441552	La Quỳnh	Anh	4415	26		3.76		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
122	441555	Lăng Văn	Khánh	4415	30	TCXH1	3.46		87.50		840 000	840 000	
123	441556	Nguyễn Tiến	Quân	4415	22	TCXH1	3.00		74.50		840 000	840 000	
124	441562	Hoàng Thị Kim	Hồng	4415	27	TCXH1	3.58		93.50		840 000	840 000	
125	441565	Trần Huỳnh Thùy	Linh	4415	25		3.69		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
126	441602	Hứa Tùng	Lâm	4416	23		3.68		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
127	441605	Nguyễn Thanh	Sơn	4416	21		3.74		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
128	441606	Trần Thị Thanh	Lam	4416	26		3.89		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
129	441629	Hoàng Thị Hồng	Nhung	4416	22	TCXH1	3.59		89.00		840 000	840 000	
130	441633	Nông Thị	Đẹp	4416	31	TCXH1	3.55		90.00		840 000	840 000	
131	441634	Ngô Trung	Kiên	4416	27		3.67		84.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
132	441636	Phạm Thị Khánh	Ly	4416	30		3.69		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
133	441638	Bùi Thị Phương	Thảo	4416	16		3.78		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
134	441639	Phạm Thanh	Thúy	4416	18		3.71		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
135	441640	Nguyễn Thị Huyền	Trang	4416	27		3.87		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
136	441642	Lê Trọng	Quyền	4416	19		3.75		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
137	441655	Lã Nhật	Khanh	4416	28		3.72		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
138	441664	Nguyễn Thị Minh	Hằng	4416	24		3.79		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
139	441703	Vàng Anh	Duy	4417	29	TCXH1	3.55		84.00		840 000	840 000	
140	441711	Thùng Thị	Tình	4417	24	TCXH1	3.38		79.50		840 000	840 000	

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
141	441722	Phùng Thị Phương	Thảo	4417	27		3.88		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
142	441724	Lê Thị Thanh	Luyện	4417	21		3.70		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
143	441725	Nguyễn Thị Hoàng	Hạnh	4417	23		3.73		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
144	441729	Trương Diệu	Giang	4417	23		3.70		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
145	441733	Đỗ Thị	Nhung	4417	23		3.67		80.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
146	441742	Đào Thị Diệp	Linh	4417	23		3.69		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
147	441746	Nguyễn Khánh	Linh	4417	27		3.82		84.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
148	441748	Nguyễn Thị Mai	Thùy	4417	25		3.80		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
149	441749	Hoàng Hồng	Trang	4417	31		3.68		80.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
150	441754	Đặng Thị Diệu	Thanh	4417	29		3.87		93.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
151	441757	Phan Hải	Minh	4417	26		3.71		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
152	441762	Lò Hương	Giang	4417	29	TCXH1	3.21		82.50		840 000	840 000	
153	441765	Nguyễn Thị Việt	Hà	4417	19		3.71		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
154	441766	Phùng Soang	Mìn	4417	27	TCXH1	3.50		82.00		840 000	840 000	
155	441809	Trần Đình	Duy	4418	24		3.84		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
156	441816	Võ Thị Bích	Loan	4418	31		3.67		85.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
157	441817	Dương Thị	Diễm	4418	29		3.78		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
158	441818	Nguyễn Nam	Trường	4418	29		3.67		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
159	441825	Hà Huy	Khánh	4418	25		3.70		93.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
160	441827	Nguyễn Phương	Vi	4418	27		3.69		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
161	441830	Triệu Thị Hương	Loan	4418	20	TCXH1	3.30		81.50		840 000	840 000	
162	441836	Nguyễn Lan	Anh	4418	31		3.78		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
163	441853	Hoàng Hải	Hằng	4418	29		3.80		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
164	441854	Nguyễn Đức	Khắc	4418	22		3.67		80.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
165	441859	Mã Pao	Sang	4418	26		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
166	441905	Nguyễn Trà	Giang	4419	26		3.70		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
167	441908	Nguyễn Phương Diệu	Linh	4419	26		3.68		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
168	441911	Nguyễn Thị	Hiền	4419	25		3.78		89.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
169	441917	Nguyễn Thẩm Hà	Uyên	4419	28		3.75		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
170	441918	Nguyễn Ngọc	Nương	4419	31		3.68		80.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
171	441919	Hà Thị	Loan	4419	27	TCXH1	3.58		80.00		840 000	840 000	
172	441921	Nguyễn Đức	Thuần	4419	28		3.74		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
173	441924	Trịnh Thị	Lương	4419	30		3.68		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
174	441936	Lê Thị Hồng	Ngọc	4419	28		3.68		78.00	4 200 000		4 200 000	Khá
175	441940	Trần Hà	Anh	4419	26		3.80		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
176	441944	Đinh Phương	Anh	4419	25		3.67		84.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
177	441946	Nguyễn Thị Thu	Hằng	4419	23		3.77		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
178	441949	Nguyễn Thị Lan	Hương	4419	29		3.71		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
179	441953	Dương Thị	Thư	4419	30	TCXH1	3.70		81.50	4 620 000	840 000	5 460 000	Giỏi
180	441954	Nông Thị	Mai	4419	28	TCXH1	3.58		84.00		840 000	840 000	

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
181	441960	Giàng A	Chung	4419	13	TCXH1	3.04		76.00		840 000	840 000	
182	442001	Hoàng Hương	Giang	4420	26		3.72		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
183	442002	Nguyễn Thị Tú	Anh	4420	29		3.67		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
184	442010	Nguyễn Thu	Hường	4420	27		3.74		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
185	442018	Tạ Thị Hương	Linh	4420	26		3.76		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
186	442021	Vương Thu	Nga	4420	31		3.67		80.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
187	442025	Vũ Ngọc	Anh	4420	26		3.67		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
188	442032	Phùng Hà	My	4420	28		3.72		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
189	442044	Phạm Phương	Dung	4420	30		3.82		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
190	442050	Tòng Thị	Quần	4420	23	TCXH1	3.19		79.50		840 000	840 000	
191	442051	Lê Thị Quỳnh	Nga	4420	30		3.82		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
192	442054	Đinh Kiên	Trung	4420	28		3.72		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
193	442055	Lê Ngọc Khánh	Hòa	4420	26		3.77		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
194	442060	Phạm Thị Minh	Nguyệt	4420	28		3.75		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
195	442062	Sinh Thị	Thùy	4420	19	TCXH1	3.41		87.50		840 000	840 000	
196	442064	Hoàng Thị Thanh	Hằng	4420	15		3.67		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
197	443135	Trần Thùy	Dương	4431	17		3.75		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
198	443139	Lê Hải	An	4431	17		3.82		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
199	443144	Trần ánh	Dương	4431	17		3.75		95.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
200	441010	Trịnh Phương	Linh	4432	17		3.71		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
201	443203	Đinh Nguyễn Lan	Nhi	4432	17		3.74		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
202	443204	Nguyễn Nữ Phương	Thùy	4432	17		3.74		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
203	443213	Phùng Nguyễn Tú	Uyên	4432	17		3.82		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
204	443217	Nguyễn Thị Huyền	Trang	4432	17		3.71		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
205	443221	Nguyễn Thị Thu	Trang	4432	17		3.71		96.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
206	441305	Ngô Vân	Anh	4433	17		3.69		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
207	443311	Vũ Thị	Hồng	4433	17		3.75		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
208	443332	Nguyễn Minh	Tâm	4433	17		3.78		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
209	443336	Đỗ Nguyễn ánh	Minh	4433	17		3.68		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
210	443390	Nguyễn Nam	Anh	4433	22		3.68		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
211	443406	Trương Tấn	Dũng	4434	17		3.76		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
212	443419	Phạm Thúy	Quỳnh	4434	17		3.76		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
213	443444	Đào Thị Khánh	Linh	4434	17		3.69		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
214	450110	Trần Thị Trà	My	4501	18		3.73		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
215	450111	Nguyễn Thị Phương	Anh	4501	18		3.71		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
216	450129	Trần Thị Thu	Trà	4501	18		3.67		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
217	450144	Đỗ Hương	Linh	4501	22		3.68		94.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
218	450150	Trần Mai	Huyền	4501	25		3.69		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
219	450226	Phạm Thị	Quỳnh	4502	23		3.70		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
220	450236	Nguyễn Hồng	Dương	4502	22		3.70		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
221	450237	La Xương Phương	Thảo	4502	18		3.71		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
222	450240	Bùi Khánh	Linh	4502	22		3.76		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
223	450241	Nguyễn Thu	Trang	4502	21		3.70		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
224	450301	Nguyễn Thu	Thuỷ	4503	24		3.78		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
225	450315	Phan Thị Hồng	Nhung	4503	19		3.69		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
226	450324	Nguyễn Giáng	My	4503	24		3.67		76.00	4 200 000		4 200 000	Khá
227	450328	Tạ Thu	Huyền	4503	24		3.74		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
228	450348	Ngô Hàn	Chi	4503	24		3.68		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
229	450403	Hoàng Thị Thùy	Linh	4504	23		3.75		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
230	450419	Ngô Thị Châu	Anh	4504	19		3.75		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
231	450423	Nguyễn Quang	Tùng	4504	21		3.67		77.00	4 200 000		4 200 000	Khá
232	450426	Bùi Thị Yến	Nhi	4504	17		3.69		81.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
233	450431	Lưu Hải	Hà	4504	21		3.74		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
234	450435	Lê Duy	Anh	4504	22		3.72		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
235	450440	Đồng Thị Huyền	Trang	4504	20		3.80		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
236	450518	Nguyễn Văn	Tiến	4505	19		3.72		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
237	450533	Trần Duy	Anh	4505	22		3.88		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
238	450602	Hán Thị Kim	Liên	4506	21		3.70		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
239	450624	Đinh Minh	Tâm	4506	24		3.86		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
240	450829	Tạ Thị Kiều	Trinh	4508	19		3.67		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
241	450846	Đỗ Thị Cẩm	Bình	4508	18		3.74		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
242	450856	Sùng A	Chứ	4508	21	TCXH1	3.46		73.50		840 000	840 000	
243	450927	Đoàn Thu	Trang	4509	16		3.79		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
244	450939	Nguyễn Duy	Khánh	4509	20		3.71		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
245	450944	Nguyễn Thị Vân	Anh	4509	19		3.70		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
246	450945	Đỗ Thị Phương	Anh	4509	16		3.68		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
247	451006	Hoàng Thị	Hoa	4510	20	TCXH1	3.25		74.50		840 000	840 000	
248	451106	Đinh Thị Thanh	Huyền	4511	20		3.68		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
249	451112	Vũ Vân	Anh	4511	15		3.80		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
250	451117	Ngọc Thị	Huyền	4511	21		3.73		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
251	451120	Bùi Hoài	Thu	4511	21		3.69		76.00	4 200 000		4 200 000	Khá
252	451122	Trần Thị Hoài	Thương	4511	19		3.68		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
253	451126	Nguyễn Thị	Hương	4511	21		3.70		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
254	451159	Lê Đỗ Thùy	Linh	4511	17		3.80		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
255	451202	Phạm Thị Ngọc	Lan	4512	20		3.71		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
256	451204	Nguyễn Thu	Trang	4512	17		3.74		81.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
257	451212	Đỗ Duy	Phú	4512	21		3.70		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
258	451228	Nguyễn Thuỳ	Trang	4512	18		3.71		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
259	451231	Lê Hoàng Thu	Hà	4512	22		3.69		83.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
260	451305	Hoàng Thị	Dịu	4513	19		3.76		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
261	451320	Trần Ngô Sĩ	Hào	4513	18		3.81		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
262	451327	Nguyễn Thùy	Dung	4513	21		3.84		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
263	451333	Ngô Phương	Loan	4513	19		3.80		84.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
264	451337	Nguyễn Phương	Linh	4513	20		3.69		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
265	451339	Trịnh Hoàng Khánh	Vân	4513	24		3.73		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
266	451340	Huỳnh Thu	Trang	4513	22		3.67		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
267	451343	Vũ Thùy	Dương	4513	19		3.79		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
268	451345	Hoàng Minh	Trường	4513	17		3.79		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
269	451352	Nguyễn Thị Hồng	Son	4513	22		3.80		87.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
270	451402	Phạm Bảo	Chi	4514	20		3.78		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
271	451403	Lê Mai	Phương	4514	17		3.67		84.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
272	451405	Phạm Thị Hồng	Hạnh	4514	18		3.69		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
273	451408	Nguyễn Mai Thanh	Hằng	4514	17		3.84		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
274	451412	Nguyễn Tiến	Đức	4514	15		3.83		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
275	451413	Phùng Mai	Ngọc	4514	20		3.80		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
276	451418	Hoàng Xuân	Bách	4514	19		3.69		70.00	4 200 000		4 200 000	Khá
277	451419	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4514	17		3.78		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
278	451425	Phạm Thùy	Linh	4514	17		3.70		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
279	451434	Phạm Thị Hương	Mai	4514	23		3.80		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
280	451435	Phạm Khánh	Linh	4514	17		3.67		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
281	451437	Nguyễn Quang	Thái	4514	22		3.70		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
282	451440	Ngô Phương	Linh	4514	17		3.74		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
283	451444	Vũ Quỳnh	Hương	4514	18		3.73		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
284	451445	Phùng Thị	Hường	4514	20		3.81		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
285	451446	Nguyễn Hồng	Hạnh	4514	17		3.71		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
286	451447	Trịnh Diễm	Ngọc	4514	17		3.73		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
287	451453	Dương Thị Hà	Giang	4514	24		3.67		95.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
288	451519	Nguyễn Thị Thùy	Linh	4515	20		3.68		80.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
289	451526	Lê Thúy	Hậu	4515	20		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
290	451537	Nguyễn Quang	Huy	4515	19		3.85		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
291	451538	Nguyễn Phương	Anh	4515	20		3.68		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
292	451543	Nguyễn Hiền	Anh	4515	18		3.68		92.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
293	451604	Nguyễn Thị	Lan	4516	18		3.70		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
294	451610	Tạ Thị Bích	Ngọc	4516	17		3.79		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
295	451623	Phạm Huy	Hoàng	4516	19		3.72		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
296	451628	Nguyễn Thị	Duyên	4516	20		3.72		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
297	451630	Phạm Thị	Ngà	4516	20		3.73		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
298	451631	Trần Thị	Dung	4516	20		3.68		83.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
299	451633	Đỗ Ngọc	Anh	4516	21		3.69		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
300	451637	Đặng Thị	Cúc	4516	18		3.84		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
301	451645	Đỗ Thị Bảo	Quyên	4516	23		3.77		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
302	451722	Ma Thị	Tươi	4517	22	TCXH1	3.55		76.00		840 000	840 000	
303	451729	Hoàng Thị Minh	Hằng	4517	19		3.86		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
304	451741	Nguyễn Thị Phương	Thảo	4517	23		3.67		89.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
305	451743	Trần Thị Minh	Châu	4517	22		3.70		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
306	451745	Nguyễn Thị	Hậu	4517	23		3.80		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
307	451807	Nguyễn Duy	Đức	4518	17		3.71		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
308	451815	Nguyễn Thị Hải	Yến	4518	17		3.71		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
309	451816	Nguyễn Thị Cẩm	Ly	4518	23		3.82		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
310	451819	Hoàng Thị	Trà	4518	19		3.74		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
311	451833	Nguyễn Thị Minh	Xuân	4518	21		3.67		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
312	451846	Lê Huyền	Thu	4518	17		3.69		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
313	451847	Đỗ Thị Hoàng	Diệu	4518	17		3.76		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
314	451905	Sầm Thị	Trang	4519	20	TCXH1	3.60		77.00		840 000	840 000	
315	451918	Nguyễn Thị Thuý	Hiên	4519	18		3.76		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
316	451928	Hà Hải	Nhi	4519	17		3.74		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
317	451934	Trần Thị Thu	Huyền	4519	21		3.69		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
318	451941	Lương Thị Vân	Anh	4519	21		3.67		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
319	451943	Nguyễn Phi	Hùng	4519	22		3.67		94.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
320	451948	Nguyễn Hà	My	4519	24		3.75		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
321	452004	Lê Văn	Hiếu	4520	20		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
322	452045	Hà Ngọc	Hoài	4520	18	TCXH1	3.58		80.00		840 000	840 000	
323	452124	Nghiêm Thị Thanh	Xuân	4521	19		3.72		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
324	452126	Đặng Ngân	Hà	4521	21		3.73		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
325	452127	Phạm Quỳnh	Hương	4521	21		3.70		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
326	452128	Nguyễn Đình	Khôi	4521	22		3.75		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
327	452145	Hoàng Thị	Yêm	4521	19	TCXH1	3.47		89.00		840 000	840 000	
328	452153	Phạm Ngọc Thanh	Hà	4521	20		3.75		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
329	452213	Vũ Phan Kim	Anh	4522	18		3.76		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
330	452230	Lê Phương	Uyên	4522	20		3.69		79.00	4 200 000		4 200 000	Khá
331	452252	Nguyễn Văn	Trung	4522	22		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
332	453303	Trần Nghĩa	Hưng	4533	17		3.82		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
333	453307	Nguyễn Mạnh	Dũng	4533	17		3.74		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
334	453309	Nguyễn Phạm Xuân	Hà	4533	17		3.81		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
335	453310	Phan Thị Hà	Linh	4533	17		3.95		92.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
336	453316	Lê Thị Khánh	Linh	4533	17		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
337	453317	Phạm Đức	Minh	4533	17		3.82		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
338	453319	Hoàng Khôi	Nguyên	4533	15		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
339	453321	Nguyễn Minh	ánh	4533	17		3.83		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
340	453322	Nguyễn Phương	Hiền	4533	17		3.68		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
341	453323	Phạm Lê	Việt	4533	17		3.67		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
342	453331	Nguyễn Minh	Trang	4533	17		3.73		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
343	453333	Lê Thái	Minh	4533	17		3.73		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
344	453334	Vũ Trần Tú	Linh	4533	17		3.71		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
345	453345	Phùng Mai	Phương	4533	17		3.79		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
346	453348	Bùi Huyền	Trang	4533	22		3.78		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
347	450647	Nguyễn Thị Mai	Anh	4534	17		3.84		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
348	451414	Hà Ngọc	Anh	4534	17		3.89		77.50	4 200 000		4 200 000	Khá
349	453401	Võ Minh	Trang	4534	17		3.71		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
350	453402	Nguyễn Thục	Anh	4534	17		3.84		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
351	453403	Dương Thị Phương	Anh	4534	17		3.79		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
352	453407	Nguyễn Ngọc	Khánh	4534	17		3.68		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
353	453408	Lương Thanh	Giang	4534	17		3.70		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
354	453410	Lương Thị Phi	Yến	4534	17		3.67		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
355	453413	Đoàn Thảo	Ngọc	4534	17		3.70		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
356	453422	Phí Hồng	Anh	4534	17		3.69		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
357	453432	Nguyễn Việt	Dương	4534	17		3.67		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
358	453434	Đặng Thanh	Tâm	4534	17		3.67		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
359	453437	Nguyễn Vi	Linh	4534	17		3.74		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
360	453438	Phùng Diễm	Quỳnh	4534	17		3.71		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
361	453439	Lê Phương	Nga	4534	17		3.69		93.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
362	453441	Trần Thanh	Thảo	4534	17		3.71		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
363	453444	Nguyễn Cửu Đức	Khánh	4534	17		3.81		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
364	453445	Lê Dương	Minh	4534	17		3.68		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
365	453447	Phạm Hà	Phương	4534	17		3.69		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
366	452038	Chu Bích	Ngọc	4535	17		3.71		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
367	453545	Nguyễn Ngọc	Bích	4535	17		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
368	453547	Lê Hồng	Anh	4535	17		3.74		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
369	453548	Nguyễn Huy	Mạnh	4535	17		3.70		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
370	453606	Đặng Ngọc	ánh	4536	17		3.68		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
371	453629	Nguyễn An	Khánh	4536	17		3.75		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
372	453630	Phạm Thị Phương	Thảo	4536	17		3.68		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
373	453632	Dương Thu	Hằng	4536	17		3.68		92.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
374	453635	Lê Hà	Trang	4536	17		3.68		95.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
375	453637	Ngô Hà	Anh	4536	17		3.74		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
376	453638	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	4536	17		3.70		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
377	453644	Nguyễn Ngọc Linh	Chi	4536	17		3.71		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
378	460103	Đoàn Quỳnh	Anh	4601	21		3.68		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
379	460107	Nguyễn Quốc	Anh	4601	21		3.73		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
380	460111	Trần Văn	Bắc	4601	21		3.77		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
381	460120	Phạm Nguyệt	Hà	4601	19		3.70		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
382	460122	Phan Thị Mỹ	Hạnh	4601	19		3.81		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
383	460124	Nguyễn Minh	Hiếu	4601	19		3.70		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
384	460201	Nguyễn Thuý	An	4602	19		3.63		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
385	460206	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	4602	19		3.83		77.50	4 200 000		4 200 000	Khá
386	460223	Nguyễn Gia Phú	Hưng	4602	19		3.71		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
387	460244	Nguyễn Thị Hoài	Thu	4602	19		3.63		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
388	460255	Lê Thị Thanh	Thảo	4602	18		3.67		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
389	460256	Trần Minh	Thu	4602	19		3.64		81.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
390	460257	Đỗ Minh	Thư	4602	18		3.65		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
391	460258	Nguyễn Đức	Tiến	4602	19		3.83		92.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
392	460260	Vũ Quỳnh	Trang	4602	18		3.63		85.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
393	460301	Nguyễn Tuệ	An	4603	19		3.73		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
394	460302	Đào Minh	Anh	4603	19		3.68		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
395	460303	Lê Thị Phương	Anh	4603	19		3.67		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
396	460321	Vũ Huy	Hoàng	4603	17		3.64		79.00	4 200 000		4 200 000	Khá
397	460333	Phan Nho	Minh	4603	19		3.87		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
398	460336	Đoàn Minh	Ngọc	4603	19		3.65		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
399	460341	Đỗ Châu Thảo	Quyên	4603	19		3.63		87.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
400	460343	Lương Thái	Sơn	4603	19		3.63		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
401	460361	Vũ Phương	Linh	4603	19		3.63		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
402	460403	Trần Thị Lan	Anh	4604	16		3.64		96.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
403	460411	Phạm Thị Thu	Hằng	4604	16		3.74		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
404	460412	Nguyễn Trung	Hiếu	4604	19		3.68		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
405	460414	Lương Thị Mỹ	Hòa	4604	19		3.70		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
406	460419	Phan Văn	Khánh	4604	19		3.64		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
407	460420	Nguyễn Thị	Kim	4604	21		3.73		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
408	460424	Nguyễn Thị Hải	Linh	4604	19		3.72		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
409	460430	Vũ Hồng	Ngọc	4604	19		3.75		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
410	460431	Đỗ Minh	Phương	4604	19		3.65		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
411	460432	Ngô Hoàng Hà	Phương	4604	19		3.74		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
412	460438	Nguyễn Anh	Thi	4604	19		3.74		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
413	460439	Nguyễn Thị Hồng	Thơm	4604	19		3.70		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
414	460452	Tống Diệu	Vy	4604	19		3.78		95.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
415	460458	Nguyễn Thị	Hảo	4604	17		3.70		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
416	460501	Phạm Trung	An	4605	19		3.70		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
417	460504	Nguyễn Thị Kim	Anh	4605	19		3.73		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
418	460505	Vũ Hà	Anh	4605	19		3.73		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
419	460517	Lê Thị Thu	Hiền	4605	19		3.63		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
420	460521	Kiều Thị Thanh	Huyền	4605	17		3.79		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
421	460522	Lê Thị Thu	Huyền	4605	19		3.64		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
422	460527	Nguyễn Thùy	Linh	4605	19		3.64		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
423	460540	Lưu Văn	Thanh	4605	19		3.66		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
424	460554	Đinh Minh	Đạo	4605	19		3.73		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
425	460558	Phùng Thị Minh	Nguyệt	4605	19		3.77		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
426	460562	Đặng Tiến	Sơn	4605	19		3.66		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
427	460563	Vàng Thị	Xuân	4605	19	TCXH1	3.53		84.50		840 000	840 000	
428	460601	Vũ Hà	An	4606	21		3.77		81.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
429	460602	Lưu Lan	Anh	4606	19		3.65		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
430	460619	Đỗ Chí	Hùng	4606	19		3.70		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
431	460626	Nguyễn Thùy	Linh	4606	21		3.70		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
432	460637	Đặng Xuân	Phong	4606	21		3.71		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
433	460642	Phạm Thái	Sơn	4606	21		3.84		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
434	460643	Nguyễn Thị Minh	Tâm	4606	19		3.66		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
435	460646	Đỗ Thu	Thủy	4606	19		3.70		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
436	460647	Nguyễn Thị Hai	Thương	4606	19		3.64		78.00	4 200 000		4 200 000	Khá
437	460721	Hoàng Thanh	Hương	4607	19		3.63		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
438	460723	Lê Ngọc	Lan	4607	21		3.86		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
439	460730	Nguyễn Khánh	Ly	4607	19		3.66		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
440	460749	Phạm Thị Thùy	Trang	4607	21		3.79		94.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
441	460752	Vũ Hoàng	Việt	4607	19		3.64		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
442	460760	Sùng Thị	Sao	4607	16	TCXH1	2.96		74.00		840 000	840 000	
443	461008	Cát Ngọc Linh	Chi	4610	20		3.76		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
444	461011	Nguyễn Thị Thùy	Dương	4610	20		3.65		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
445	461057	Nông Thị Thu	Kiều	4610	20	TCXH1	3.30		92.00		840 000	840 000	
446	461114	Đào Thị Thu	Hằng	4611	20		3.71		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
447	461115	Trần Thu	Hiền	4611	20		3.75		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
448	461124	Mai Hải	Linh	4611	20		3.65		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
449	462714	Nguyễn Châu	Huyên	4611	20		3.64		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
450	461213	Mai Thị Thúy	Hằng	4612	20		3.71		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
451	461236	Nguyễn Hồng	Phong	4612	20		3.64		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
452	461246	Vi Thị Quỳnh	Trang	4612	18	TCXH1	3.08		9.00		840 000	840 000	
453	461310	Nguyễn Trung	Dũng	4613	20		3.65		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
454	461321	Vũ Quốc	Khánh	4613	20		3.68		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
455	461404	Phan Hoàng Tú	Anh	4614	20		3.67		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
456	461439	Lê Thị Kim	Phượng	4614	20	TCXH1	3.22		82.50		840 000	840 000	
457	461559	Nguyễn Tùng	Linh	4615	18		3.76		75.50	4 200 000		4 200 000	Khá
458	461625	Hoàng Gia	Kiệt	4616	18	TCXH1	3.21		77.50		840 000	840 000	
459	461629	Vũ Hải	Linh	4616	20		3.64		91.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
460	461646	Nguyễn Anh	Thuyên	4616	20		3.68		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC:** 2021 - 2022

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
461	461647	Bùi Mai Anh	Thư	4616	20		3.71		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
462	461648	Cao Vũ Thùy	Trang	4616	18		3.64		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
463	461650	Nguyễn Thị	Vân	4616	20		3.76		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
464	461658	Triệu Ngọc	Thuyết	4616	20	TCXH1	3.30		80.00		840 000	840 000	
465	462701	Nguyễn Thùy	An	4627	18		3.72		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
466	462704	Nguyễn Nhật	Anh	4627	18		3.82		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
467	462705	Chu Việt	Bách	4627	18		3.71		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
468	462709	Đoàn Thư	Hà	4627	18		3.69		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
469	462725	Trương Quỳnh	Mai	4627	18		3.69		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
470	462727	Nguyễn Thị Thu	Minh	4627	18		3.77		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
471	462728	Nguyễn Thị Trà	My	4627	18		3.71		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
472	462729	Phan Thu	Ngân	4627	18		3.72		89.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
473	462730	Lê Quang	Nhật	4627	18		3.86		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
474	462733	Trần Lan	Phương	4627	18		3.73		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
475	462734	Vũ Hạnh	Quyên	4627	18		3.88		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
476	462735	Nguyễn Trúc	Quỳnh	4627	18		3.71		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
477	462736	Đỗ Minh	Thành	4627	18		3.78		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
478	462805	Vũ	Bình	4628	18		3.86		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
479	462810	Trần Thị Lam	Giang	4628	18		3.73		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
480	462817	Dương Khánh	Linh	4628	18		3.71		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
481	462820	Nguyễn Đặng Phương	Linh	4628	18		3.69		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
482	462824	Vũ Thị Ngọc	Mai	4628	18		3.67		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
483	462825	Đinh Hồng	Minh	4628	18		3.72		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
484	462830	Nguyễn Đại	Nghĩa	4628	18		3.81		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
485	462833	Bùi Đông Nguyên	Phương	4628	18		3.85		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
486	462835	Nguyễn Cao	Thảo	4628	18		3.74		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
487	462837	Vũ Phương	Thảo	4628	18		3.68		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
488	462838	Lê Thùy	Trang	4628	18		3.65		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
489	462902	Lê Thảo	Anh	4629	18		3.68		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
490	462910	Mai Ngọc	Hà	4629	18		3.77		93.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
491	462915	Trần Minh	Khoa	4629	18		3.71		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
492	462917	Đỗ Khánh	Linh	4629	18		3.65		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
493	462918	Nguyễn Kiều Khánh	Linh	4629	18		3.66		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
494	462921	Trần Ngọc	Mai	4629	18		3.72		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
495	462922	Nguyễn Khắc Lê	Minh	4629	18		3.64		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
496	462926	Nguyễn Linh	Ngọc	4629	18		3.69		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
497	462929	Lê Vũ Hà	Phương	4629	18		3.65		83.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
498	462932	Vũ Quang	Sáng	4629	18		3.64		88.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
499	462935	Đặng Vân	Thủy	4629	18		3.63		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
500	462940	Bùi Ngọc	Vy	4629	18		3.65		85.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
501	463002	Cao Ngọc	ánh	4630	18		3.73		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
502	463003	Hồ Vũ Quỳnh	Anh	4630	18		3.78		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
503	463004	Lê Diệu	Anh	4630	21		3.86		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
504	463005	Vũ Lan	Anh	4630	18		3.63		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
505	463006	Nguyễn Bảo	Châu	4630	18		3.87		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
506	463007	Hoàng Yến	Chi	4630	18		3.67		80.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
507	463008	Chu Thùy	Dung	4630	18		3.67		87.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
508	463009	Trần Hữu	Đại	4630	18		3.69		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
509	463013	Đặng Minh	Huyền	4630	18		3.76		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
510	463014	Lê Trần An	Khánh	4630	18		3.77		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
511	463017	Đàm Khánh	Linh	4630	18		3.72		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
512	463019	Trần Khánh	Linh	4630	18		3.64		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
513	463020	Nguyễn Đỗ Thanh	Lộc	4630	18		3.72		84.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
514	463027	Nguyễn Kim	Ngân	4630	18		3.69		86.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
515	463102	Lê Nhật	ánh	4631	18		3.74		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
516	463110	Hoàng Thị Hải	Hà	4631	18		3.76		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
517	463122	Đặng Trần Minh	Ngọc	4631	18		3.67		84.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
518	463123	Hồ Bảo	Ngọc	4631	18		3.64		90.00	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
519	463135	Nguyễn Thị Minh	Thư	4631	18		3.71		89.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
520	463214	Kiều Ngọc Hoàng	Liên	4632	18		3.77		86.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN HƯỞNG HỌC BỔNG

HỌC KỲ: II **NĂM HỌC: 2021 - 2022**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-ĐHLHN ngày tháng năm 20 của Hiệu trưởng Trường Đại học Luật Hà Nội)

Ngành: Luật

STT	Mã SV	Họ và tên		Lớp	Số TC	Đối tượng học bổng	Điểm TBCHT	Số môn nợ	Điểm rèn luyện	Học bổng	Trợ cấp xã hội	Tổng cộng	Loại HB
521	463222	Nguyễn Xuân	Mai	4632	18		3.74		88.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
522	463224	Trần Duy	Minh	4632	18		3.83		80.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
523	463225	Nguyễn Hà	My	4632	18		3.68		90.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
524	463226	Phan Từ Hiếu	Ngân	4632	18		3.77		82.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
525	463227	Trần Hiếu	Ngân	4632	18		3.64		82.00	4 620 000		4 620 000	Giỏi
526	463228	Hoàng Thảo	Nguyên	4632	18		3.85		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
527	463229	Nguyễn Hương Ngọc	Nhi	4632	18		3.81		92.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
528	463230	Đoàn Trang	Nhung	4632	18		3.78		91.50	5 040 000		5 040 000	Xuất sắc
529	463240	Trần Tùng	Chi	4632	18		3.63		85.50	4 620 000		4 620 000	Giỏi
		Tổng								***2 231 460 000***	***57 120 000***	***2 288 580 000***	